

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2021

V/v: “Tranh chấp về Hôn nhân gia đình”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Minh Cường

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Giang

2. Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp về Hôn nhân gia đình” thụ lý số 513/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXX ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Tràng C** – Sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu 5, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T** – Sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Khu 5, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Xóm L, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn, anh Lê Tràng C trình bày: Anh kết hôn với chị T trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Lâm ngày 28/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống cùng với bố mẹ anh tại Khu 5, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Năm 2013, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế. Chị T không có công việc, thu nhập ổn định, anh đã xin cho chị T đi làm nhưng sau đó chị T không duy trì làm việc được mà bỏ việc. Chị T với mẹ anh cũng có những lời qua tiếng lại với nhau. Năm 2014 gia đình anh đã đuổi chị T, anh chu cấp tiền cho chị T sinh sống đến hiện tại.

Khi chị T tai nạn phải nằm viện anh là người chăm sóc và chi phí viện phí. Lúc này anh C không còn tình cảm với chị T mà chỉ là có trách nhiệm với chị T. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Nguyễn Hà C – Sinh năm 11/02/2010 và Lê Công M – Sinh ngày 21/10/2011, hiện cả hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện nay anh đang làm công nhân, thu khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị đồng ý với anh C về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và chung sống sau khi kết hôn. Giữa chị và anh C không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng do giữa chị và mẹ đẻ anh C có mâu thuẫn nên thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau. Do không chịu được nên chị chuyển ra nơi khác sinh sống. Khi chị chuyển ra nơi khác sinh sống thì anh C có giúp chị tìm nơi thuê nhà, sau đó chị bị tai nạn anh C cũng chăm sóc chị lúc chị ở viện. Sau khi ra viện chị do bệnh tật phải thường xuyên nhập viện về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa để sinh sống, anh C cũng đồng ý. Đến nay vợ chồng chị đã ly thân được khoảng 3 năm, tuy nhiên khi gia đình hai bên có công việc thì vợ chồng đều có mặt để giúp đỡ. Chị xác định giữa chị và anh C vẫn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T đồng ý với anh C về việc vợ chồng có 02 con chung như anh C khai. Cả hai cháu hiện nay đang ở với anh C, sức khỏe của các cháu tốt. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Công M vì cháu M còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện nay chị làm nghề tự do, thu nhập của chị khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và các đương sự.

Về nội dung: Xét thấy việc anh C xin ly hôn chị T là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận; Về con đề nghị giao 2 con chung chưa thành niên cho anh C nuôi dưỡng, tạm hoãn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T; Tài sản chung các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh Lê Trùng C kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Lâm ngày 28/7/2009 vì vậy là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng làm ăn, sinh sống tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh một thời gian. Theo chị T khai thì ban đầu do có mâu thuẫn với mẹ chồng, chị T đã thuê nhà ở riêng chỗ khác. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa làm ăn sinh sống, vợ chồng không còn trách nhiệm nghĩa vụ gì với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh C giải phóng hôn nhân để cho hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con: Vợ chồng anh C, chị T có 02 con chung là Lê Nguyễn Hà C – Sinh ngày 11/02/2010 và Lê Công M – Sinh ngày 21/10/2011. Ly hôn, cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung vì vậy cần giao cho anh C và chị T mỗi người nuôi một con chung là phù hợp.

Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí loại không có giá ngạch để sung Ngân sách nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Lê Tràng C. Anh Lê Tràng C được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương T; quan hệ hôn nhân của hai bên chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Tràng C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Hà C – Sinh 11/02/2010; chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Công M – Sinh 21/10/2011. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh C và chị T đều có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Tràng C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0017611 ngày 28/09/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Lê Tràng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt hợp lệ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- Các đương sự
- UBND xã Thụy Lâm
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường